

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4-5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740 726 666 516	584 939 815 566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		123 753 815 627	6 473 952 985
1. Tiền	111		123 753 815 627	5 964 015 190
2. Các khoản tương đương tiền	112			509 937 795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		536 242 193	105 141 190 297
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		536 242 193	105 141 190 297
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		396 226 268 000	293 493 799 715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		248 813 553 943	258 989 452 784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		122 178 514 890	18 980 513 504
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		25 234 199 167	15 523 833 427
IV. Hàng tồn kho	140		213 138 429 459	179 631 986 970
1. Hàng tồn kho	141		213 138 429 459	179 631 986 970
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7 071 911 237	198 885 599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			198 885 599
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3 071 911 237	
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		4 000 000 000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		941 619 477 848	891 393 194 015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			290 945 418
1. Phải thu dài hạn khác	216			290 945 418
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		775 880 685 764	852 387 000 146
1. Tài sản cố định hữu hình	221		775 880 685 764	852 387 000 146
- Nguyên giá	222		1003 799 322 613	1001 503 856 960
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-227 918 636 849	-149 116 856 814
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		21 735 676 815	21 415 163 195
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21 735 676 815	21 415 163 195
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		115 000 000 000	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		115 000 000 000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		29 003 115 269	17 300 085 256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		29 003 115 269	3 380 204 781
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			13 919 880 475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1682 346 144 364	1476 333 009 581

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
 Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1109 862 027 740	946 578 068 445
I. Nợ ngắn hạn	310		562 797 213 142	407 414 668 819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		168 198 922 844	120 684 649 970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2 544 250 270	911 707 415
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		23 459 316 578	23 058 831 131
4. Phải trả người lao động	314		4 380 309 948	3 475 065 776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18 973 571 182	9 077 708 998
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		216 694 443	4 093 960 656
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		345 024 147 877	246 112 744 873
II. Nợ dài hạn	330		547 064 814 598	539 163 399 626
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		153 640 040 604	120,599,813,893
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		393 424 773 994	418 563 585 733
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		572 484 116 624	529 754 941 136
I. Vốn chủ sở hữu	410		572 484 116 624	529 754 941 136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500 000 000 000	500 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500 000 000 000	500,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72 484 116 624	29 754 941 136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29 754 941 136	29 754 941 136
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42 729 175 488	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1682 346 144 364	1476 333 009 581



Nguyễn Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
 Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ 4 NĂM 2016 (từ 01/10/2016 đến 31/12/2016)		Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2016	
		Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	333,689,018,259	300,251,013,262	1,160,876,913,611	963,105,680,787
2. Các khoản giảm trừ	02	0		517,055,970	259,058,684
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	333,689,018,259	300,251,013,262	1,160,359,857,641	962,846,622,103
4. Giá vốn hàng bán	11	303,001,271,385	261,202,744,322	1,057,867,761,441	842,833,307,569
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30,687,746,874	39,048,268,940	102,492,096,200	120,013,314,534
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3,900,640,655	2,553,363,643	14,474,896,085	10,449,628,573
7. Chi phí tài chính	22	18,880,030,874	13,433,480,350	56,730,257,856	37,346,454,650
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	15,948,713,945	12,525,848,406	53,798,940,927	27,267,110,824
8. Chi phí bán hàng	25	1,031,649,003	1,395,496,357	5,949,022,907	9,155,330,533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,477,329,920	6,092,078,413	24,648,703,773	17,331,889,879
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7,199,377,732	20,680,577,463	29,639,007,749	66,629,268,045
11. Thu nhập khác	31	9,341,285,718	6,603,786,685	20,738,101,854	15,039,722,104
12. Chi phí khác	32	27,437,893	83,839,614	9,873,273,580	2,347,338,553
13. Lợi nhuận khác	40	9,313,847,825	6,519,947,071	10,864,828,274	12,692,383,551

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ 4 NĂM 2016 (từ 01/10/2016 đến 31/12/2016)		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016	
		Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm 2016	Năm 2015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16,513,225,557	27,200,524,534	40,503,836,023	79,321,651,596
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,040,039,340		9,439,580,980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16,513,225,557	25,160,485,194	40,503,836,023	69,882,070,616



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		397 059 948 956	219 506 365 294
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-111 456 385 902	-178 664 745 704
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			- 816 705 300
4. Tiền lãi vay đã trả	04		- 101 037 177	- 1 765 874
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		71 797 452 996	120 304 398 795
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-326 017 902 583	-203 994 207 678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31 282 076 290	-43 666 660 467
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			- 2 937 240
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2 225 663	2 029 489
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		105 141 190 297	9 030 000 000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-115 000 000 000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2 225 663	4 044 949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-9 854 358 377	9 033 137 198
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			28 777 829 794
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-6 282 412 500	
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-6 282 412 500	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-12 564 825 000	28 777 829 794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		8 862 892 913	-5 855 693 475
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		115 427 164 907	117 513 162 566
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		124 290 057 820	111 657 469 091



Nguyễn Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
 Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
 Người lập

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và Văn phòng tại Hồ Chí Minh: Phòng 1408B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 889 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 912 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) tương ứng với 50.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho mục đích đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 22
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (tiếp theo)**

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho dự án nhà máy kéo sợi 4.500 tấn – Đại Cường 2 của Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04 ngày 01 năm 2007, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo.

Dự án Xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và dự án Xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (thuộc nhà máy Đại Cường 1) thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ tư có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 8 năm tiếp theo.

Dự án nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm: Thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	453 128 357	5 964 015 190
Tiền gửi Ngân hàng	123 300 687 270	5 964 015 190
Các khoản tương đương tiền		509 937 795

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) – Chi nhánh Hải Phòng với kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 4.6%/năm. Khoản tương đương tiền này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 5.16).

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP đầu tư 3GR	35 518 014 120	39,701,339,520
Công ty CP Tân An	31 058 975 388	37,715,160,725
Công ty CP Phát triển XD VINALAND	35 501 608 100	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Nguyên Đức	26 186 827 360	37,735,615,510
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	-	29,844,740,000
Công ty Cổ phần Thương mại xuất Nhập khẩu Dacutex	-	8,461,687,684
Phải thu các đơn vị khác	119 580 946 720	105 530 909 345
Cộng	247 846 371 688	258,989,452,784

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP đầu tư 3GR	63 599 365 962	6,861,930,112
Công ty CP Tân An	27 490 000 000	
Công ty CP tập đoàn Đại Cường	4 740 952 980	
Ứng TT nhân công nhà máy ĐQ 6	11 800 000 000	8,800,000,000
Cộng	122 178 514 890	18,980,513,504

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm bồi thường tổn thất Bảo hiểm	17 101 322 278	
Phải thu khác	4 747 199 943	
Cộng	25 234 199 167	15,523,833,427

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	113 317 262 481	49,670,085,115
Công cụ, dụng cụ	1 885 259 714	17,830,690,964
Chi phí SX, KD dở dang	9 634 213 850	9,734,599,279
Thành phẩm	88 146 622 060	61,284,908,263
Hàng hóa	155 103 679	15,786,790,486
Hàng mua đang đi đường		25,324,912,263
Cộng	213,138,461,784	179,631,986,370

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
 Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ
 01/10/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.6. Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	165,413,913,297	834,404,489,117	1,621,818,182	63,636,364	1,001,503,856,960
- Mua trong năm		2,295,465,653			2,295,465,653
Số dư cuối năm	165,413,913,297	836,699,954,770	1,621,818,182	63,636,364	1,003,799,322,613
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8,659,316,048	140,311,014,252	143,212,120	3,314,394	149,116,856,814
- Khấu hao trong năm	9,401,545,557	69,340,647,356	56,272,728	3,314,393	78,801,780,035
Số dư cuối năm	18,060,861,605	209,651,661,608	199,484,848	6,628,787	227,918,636,849
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	165,413,913,297	834,404,489,117	1,621,818,182	63,636,364	852,387,000,146
- Tại ngày cuối năm	147,353,051,692	627,048,293,162	1,422,333,334	57,007,577	775,880,685,764

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 795.436.132.472 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 775,880,685,764 đồng).

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ
01/10/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án nhà máy kéo sợi Quân 6 (*)	10.596.218.253	10.275.704.633
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	11.139.458.562
Cộng	21.735.676.815	21.415.163.195

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Thủy sản Miền Trung	12,869,377,461	
Zamil steel buildings viet nam co.,Ltd	2,451,000,000	2,451,000,000
Ecom Agroindustrial Corp. LTD	20,790,052,099	62,684,641,779
Tongzhou International Cotton Limited	8,100,036,583	
TOYOSHIMA & CO., LTD	18,955,252,908	17,456,498,325
OM SHIVA COMMODITES HONG KONG LIMITED	62,153,171,541	2,726,403,096
UDAY COTTON INDUSTRIES	17,965,954,336	15,857,291,250
PAUL REINHART AG		7,011,643,725
TAINAN SPINNING CO., LTD		6,793,591,500
CDI CTTON DISTRIBUTORS INCORPORATED	16,183,614,406	
Phải trả khác	8,730,463,510	5,703,580,295
Cộng	168,198,922,844	120,684,649,970

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ
01/10/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.188.922.296	4.052.639.453	4.014.826.432	12.226.735.317
Thuế xuất nhập khẩu	-	32.947.208	10.437.499	22.509.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.149.716.528	834.114.200	-	10.983.830.728
Thuế thu nhập cá nhân	720.192.307	-	-	720.192.307
Các loại thuế khác	-	304.857.897	304.857.897	-
Cộng	23.058.831.131	5.224.558.758	4.330.121.828	23.953.268.061

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn BIDV	257,668,943,780	144,410,163,773
Vay ngắn hạn Hdbank	59,146,355,414	55,172,581,100
Cộng	345,024,147,877	246,112,744,873

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ
01/01/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	421.634.622.677	421.634.622.677	-	465.093.585.733
Các khoản vay dài hạn của Công ty	128.079.657.677	128.079.657.677	-	137.356.818.733
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>				
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	90.923.610.032	90.923.610.032	-	95.244.761.349
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	29.027.587.500	29.027.587.500	-	33.910.000.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng USD</i>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà nội (ii)	8.127.460.145	8.127.460.145	-	8.202.057.384
Các khoản vay thừa kế của Cty CP Tập Đoàn Đại Cường	.293.554.965.000	293.554.965.000	-	327.736.767.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	260.036.705.000	260.036.705.000	-	287.704.527.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv) (VNĐ)	21.100.000.000	21.100.000.000	-	27.500.000.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (USD)	12.418.260.000	12.418.260.000	-	12.532.240.000
Cộng	421.634.622.677	421.634.622.677	-	465.093.585.733

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng vay vốn tín dụng như sau:
- Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo tháng. Lãi suất trong hạn là 7,8%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
 - Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10/01/2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2/2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo tháng. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
- (ii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 17 tháng 6 năm 2014, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2018. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển- Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng BIDV và các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:
- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
- (iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31/12/2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2017. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ
01/10/2016 đến 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

